TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:1455/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/08/2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Tuyết Mai – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 511/2022/TLST-HNGĐ ngày 7 tháng 04 năm 2022, về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Kim C, sinh năm: 1971; thường trú: 191/24 Tây H, tổ 3, khu phố 2, phường Phước L A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí M; tạm trú: 910/45 đường Tân Kỳ T Q, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M.

Bà Nguyễn Kim C có đơn yêu cầu vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1971; thường trú: 191/24 Tây H, tổ 3, khu phố 2, phường Phước L A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí M; tạm trú: 910/45 đường Tân Kỳ T Q, phường Bình Hưng H, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí M.

Ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nộp cho Tòa án và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày: bà và ông Nguyễn Thanh P có thời

gian quen biết và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyển số 01/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 3 năm 1992.

Quá trình chung sống: bà và ông Nguyễn Thanh P chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông Nguyễn Thanh P nghiện rượu thường xuyên gây gỗ, bạo hành vợ con từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, con gái bà thường bị sợ hãi mỗi khi thấy ông Nguyễn Thanh P có hành vi bạo hành đối với bà. Hiện nay bà không còn chung sống với ông Nguyễn Thanh P nữa. Vì vậy, do không còn tình cảm với ông Nguyễn Thanh P nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Thanh P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Phương C (nữ), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 (đã thành niên) và Nguyễn Khánh T(nữ), sinh ngày 20 tháng 3 năm 2012.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Khánh T(nữ), không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà xác định không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: bà xác định không có.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để ông đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng ông Nguyễn Thanh P vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Kim C có đơn yêu cầu vắng mặt;

- Ông Nguyễn Thanh P vắng mặt không lý do;

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 204, 205, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các đương sự đều không nộp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P có đăng ký kết hôn, bà Nguyễn Kim C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh P nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có cư trú tại quận Bình Tân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Nguyên đơn bà Nguyễn Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn 24 quyển số 01/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 3 năm 1992 cho bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P cùng lời khai của bà Nguyễn Kim C về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P là hôn nhân hợp pháp.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh P đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mà không có lý do và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ và lời khai do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P chung sống hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông Nguyễn Thanh P nghiện rượu thường xuyên gây gỗ, bạo hành vợ con từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, con gái bà thường bị sợ hãi mỗi khi thấy ông Nguyễn Thanh P có hành vi bạo hành đối với bà. Hiện nay bà không còn chung sống với ông Nguyễn Thanh P nữa. Vì vậy, do không còn tình cảm với ông Nguyễn Thanh P nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P. Ông Nguyễn Thanh P vắng mặt tại tất cả những buổi làm việc, phiên hòa

giải, công khai chứng cứ do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù ông Nguyễn Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án, ông cũng không có ý kiến về việc bà Nguyễn Kim C yêu cầu ly hôn gửi đến Tòa án. Cho thấy, ông Nguyễn Thanh P không có thiện chí hàn gắn gia đình và không còn yêu thương, tôn trọng bà Nguyễn Kim C, không quan tâm đến hôn nhân của ông bà. Mặt khác, bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P không còn chung sống với nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau", "Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau..." và Điều 56 quy định "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Như vậy, bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm đến nhau.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Kim C đối với ông Nguyễn Thanh P.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Phương C(nữ), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Khánh T(nữ), sinh ngày 20 tháng 3 năm 2012. Bà Nguyễn Kim C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ Nguyễn Khánh T(nữ) và không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Thanh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, điều này chứng tỏ ông không quan tâm đến hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Kim C cũng như không quan tâm đến yêu cầu về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, căn cứ vào Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án trẻ Nguyễn Khánh T(nữ) đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ Thi và cháu muốn sống cùng với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Nguyễn Khánh T(nữ) cho bà Nguyễn Kim C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim C không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Phương C(nữ), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà Nguyễn Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Nguyễn Kim C xác định không có nên không xem xét.

[3]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Kim C phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim C về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyển số 01/1992 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 3 năm 1992 cho bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P không còn giá trị.

1.2. Về con chung: bà Nguyễn Kim C và ông Nguyễn Thanh P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Phương C(nữ), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1992 và Nguyễn Khánh T(nữ), sinh ngày 20 tháng 3 năm 2012.

Con chung Nguyễn Thị Phương C(nữ) đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Giao trẻ Nguyễn Khánh T(nữ) cho bà Nguyễn Kim C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim C không yêu cầu ông Nguyễn Thanh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu của cha, mẹ; thay đổi quyền nuôi con của bà Nguyễn Kim C khi bà Nguyễn Kim C, ông Nguyễn Thanh P hoặc cá nhân, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu.

Bà Nguyễn Kim C có quyền yêu cầu ông Nguyễn Thanh P thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia Đình năm 2014; yêu cầu ông

Nguyễn Thanh P cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Bà Nguyễn Kim C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thanh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà Nguyễn Kim C xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Kim C phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Kim C đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0033821 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Nguyễn Kim C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nga